

TÀI LIỆU CHUYÊN ĐỀ SỐ 11

Về Nghị quyết số 34/2024/NQ-HĐND ngày 19/11/2024 của HĐND Thành phố (quy định chi tiết khoản 3 Điều 17 Luật Thủ đô năm 2024)

(kèm theo văn bản số 852/UBND-NC ngày 11 tháng 3 năm 2025 của UBND Thành phố)

Nghị quyết số 34/2024/NQ-HĐND "quy định trình tự, thủ tục điều chỉnh việc xác định phân vùng môi trường trong Quy hoạch Thủ đô và điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung xây dựng khu chức năng, quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trên địa bàn thành phố Hà Nội" được HĐND Thành phố thông qua tại Kỳ họp chuyên đề lần thứ 19 ngày 19/11/2024, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025 (sau đây viết tắt là Nghị quyết).

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 xác định: "Xây dựng và thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách để phát triển Thủ đô Hà Nội trở thành đô thị hiện đại, thông minh, dẫn dắt và tạo hiệu ứng lan tỏa, liên kết vùng đô thị".

- Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 giao Ban cán sự đảng Chính phủ chuẩn bị và trình Quốc hội xem xét, thông qua Luật Thủ đô (sửa đổi), xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù và phân cấp cho chính quyền Thủ đô Hà Nội thẩm quyền, trách nhiệm giải quyết công việc phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ đặc thù của Thủ đô, trọng tâm là các lĩnh vực đầu tư, tài chính, quy hoạch, đất đai, quản lý trật tự xây dựng, giao thông, môi trường, dân cư, tổ chức bộ máy, biên chế...

- Ngày 28/6/2024, Quốc hội đã thông qua Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025) là văn bản pháp lý quan trọng, có ý nghĩa đặc biệt với Thành phố, quy định các cơ chế, chính sách đặc thù, phân quyền mạnh mẽ cho chính quyền Thành phố trên các lĩnh vực quản lý nhà nước. Tại khoản 3 Điều 17 của Luật Thủ đô năm 2024 quy định:

"3. Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định điều chỉnh việc xác định phân vùng môi trường trong Quy hoạch Thủ đô, điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung xây dựng khu chức năng, quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật của Thành phố đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện.

Hội đồng nhân dân Thành phố quy định chi tiết trình tự, thủ tục điều chỉnh việc xác định phân vùng môi trường, điều chỉnh cục bộ quy hoạch quy định tại khoản này."

- Triển khai thi hành Luật Thủ đô năm 2024 và Kế hoạch số 11/KH-HĐND ngày 11/9/2024 của HĐND Thành phố, UBND Thành phố đã giao Sở Quy hoạch - Kiến trúc chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) xây dựng Nghị quyết của HĐND Thành phố cụ thể hóa quy định tại khoản 3 Điều 17 của Luật Thủ đô về quy định trình tự, thủ tục điều chỉnh việc xác định phân vùng môi trường trong Quy hoạch Thủ đô và điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung xây dựng khu chức năng, quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trên địa bàn thành phố Hà Nội, ban hành trước ngày 01/01/2025 để có hiệu lực cùng với hiệu lực của Luật Thủ đô.

2. Cơ sở thực tiễn

Hà Nội là Thủ đô, đồng thời là trung tâm chính trị-hành chính quốc gia, trung tâm lớn về kinh tế, văn hóa, giáo dục, đào tạo, khoa học và công nghệ, hội nhập quốc tế của cả nước. Thành phố có tốc độ phát triển nhanh, dân số đông, cùng với đó là các yêu cầu quản lý phức tạp. Theo quy định của Luật Quy hoạch, Luật Quy hoạch đô thị và Luật Xây dựng, việc điều chỉnh xác định phân vùng môi trường trong Quy hoạch Thủ đô và điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung xây dựng khu chức năng, quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật đòi hỏi phải gửi các bộ ngành có liên quan thẩm định, trình HĐND Thành phố thông qua trước khi trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Do vậy, chưa tạo được tính linh hoạt, chủ động cho chính quyền Thành phố.

Quy định tại khoản 3 Điều 17 của Luật Thủ đô là một trong những điều khoản thể hiện rõ tinh thần xây dựng những cơ sở pháp lý thực hiện các cơ chế, chính sách đặc thù vượt trội của Luật Thủ đô. Quy định này giúp chính quyền Thành phố chủ động phát huy tối đa tiềm năng của mình thông qua cắt giảm, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính, đáp ứng yêu cầu cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực thực thi của cơ quan, tổ chức trong quản lý môi trường, quản lý quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng, đồng thời vẫn đảm bảo sự giám sát từ Trung ương thông qua việc báo cáo kết quả thực hiện với Thủ tướng Chính phủ.

Để việc điều chỉnh phân vùng môi trường và điều chỉnh cục bộ quy hoạch đạt hiệu quả cao, việc ban hành quy định trình tự, thủ tục thực hiện chặt chẽ, đảm bảo thống nhất với các quy định pháp luật có liên quan là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành Nghị quyết

Việc xây dựng, ban hành Nghị quyết nhằm quy định chi tiết trình tự, thủ tục điều chỉnh việc xác định phân vùng môi trường trong Quy hoạch Thủ đô và điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung xây dựng khu chức năng, quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trên địa bàn thành phố Hà Nội để có hiệu lực đồng thời với thời điểm có hiệu lực của Luật Thủ đô (từ ngày 01/01/2025). Qua đó, triển khai hiệu quả quy định tại Luật Thủ đô, nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác điều chỉnh việc xác định phân vùng

môi trường trong Quy hoạch Thủ đô, điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung xây dựng khu chức năng, quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trên địa bàn Thành phố.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

- Quán triệt các quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác bảo vệ môi trường, quản lý quy hoạch đô thị, phát triển đô thị.

- Kế thừa các quy định pháp luật hiện hành, đảm bảo sự phù hợp, đồng bộ và thống nhất, tính hợp hiến, hợp pháp trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và phù hợp với thực tiễn quản lý tại địa phương.

- Xây dựng trình tự, thủ tục chặt chẽ, đảm bảo tính công khai minh bạch nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác điều chỉnh việc xác định phân vùng môi trường và điều chỉnh cục bộ quy hoạch.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chi tiết về:

1. Trình tự, thủ tục điều chỉnh việc xác định phân vùng môi trường trong Quy hoạch Thủ đô.

2. Trình tự, thủ tục điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung xây dựng khu chức năng, quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến hoạt động điều chỉnh việc xác định phân vùng môi trường trong Quy hoạch Thủ đô, điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung xây dựng khu chức năng, quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trên địa bàn thành phố Hà Nội.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Nghị quyết gồm **04 chương**, với **17 điều** Trong đó:

- Chương I. Những quy định chung, gồm 03 điều (từ Điều 1 đến Điều 3);
- Chương II. Trình tự, thủ tục điều chỉnh phân vùng môi trường, gồm 05 điều (từ Điều 4 đến Điều 8);
- Chương III. Trình tự, thủ tục điều chỉnh cục bộ quy hoạch, gồm 06 điều (từ Điều 9 đến Điều 14);
- Chương IV. Tổ chức thực hiện, gồm 03 điều (từ Điều 15 đến Điều 17).

2. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

2.1. Quy định cụ thể về trình tự, thủ tục điều chỉnh phân vùng môi trường (Chương II):

2.1.1. Trình tự, thủ tục thực hiện điều chỉnh phân vùng môi trường (Điều 4):

Việc điều chỉnh phân vùng môi trường thực hiện theo trình tự sau đây:

1. Rà soát phân vùng môi trường.
2. Tổ chức lập điều chỉnh phân vùng môi trường.
3. Thẩm định điều chỉnh phân vùng môi trường.
4. Phê duyệt điều chỉnh phân vùng môi trường.

2.1.2. Rà soát phân vùng môi trường (Điều 5):

Điều này của Nghị quyết quy định một số nội dung chính như sau:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường (trước là Sở Tài nguyên và Môi trường) chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan tổ chức rà soát, lập báo cáo rà soát phân vùng môi trường; báo cáo UBND Thành phố xem xét, ban hành quyết định giao cơ quan tổ chức lập điều chỉnh phân vùng môi trường.

- Nội dung và hồ sơ báo cáo rà soát phân vùng môi trường.

2.1.3. Tổ chức lập điều chỉnh phân vùng môi trường (Điều 6):

Nghị quyết quy định trách nhiệm của cơ quan được giao tổ chức lập điều chỉnh phân vùng môi trường, cụ thể như sau:

1. Lập báo cáo về nội dung và kế hoạch chi tiết điều chỉnh phân vùng môi trường; Báo cáo phải có số liệu điều tra, đánh giá các khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường dễ bị tổn thương, xác định các mục tiêu bảo vệ môi trường của các khu vực điều chỉnh phân vùng, xác định phương án vị trí, quy mô ranh giới các vùng điều chỉnh...

2. Tổ chức xin ý kiến các cơ quan, đơn vị, cộng đồng dân cư trong khu vực dự kiến điều chỉnh phân vùng môi trường chịu ảnh hưởng trực tiếp về việc điều chỉnh phân vùng môi trường; Tổng hợp, giải trình, tiếp thu các ý kiến đóng góp bằng văn bản đồng thời hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh phân vùng môi trường.

2.1.4. Thẩm định điều chỉnh phân vùng môi trường (Điều 7):

Nghị quyết quy định một số nội dung chính như sau:

- Nội dung, thành phần hồ sơ đề nghị thẩm định điều chỉnh phân vùng môi trường.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan thẩm định điều chỉnh phân vùng môi trường và quyết định thành lập hội đồng thẩm định gồm ít nhất 07 thành viên từ các Sở, ngành liên quan và các chuyên gia trong lĩnh vực môi trường, quy hoạch....

- Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp kết quả thẩm định bằng văn bản,

báo cáo UBND Thành phố xem xét, phê duyệt; chịu trách nhiệm trước pháp luật và UBND Thành phố về kết quả thẩm định điều chỉnh phân vùng môi trường của mình.

- Thời gian thẩm định không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định (*không bao gồm thời gian lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan và thời gian hoàn chỉnh nội dung báo cáo điều chỉnh của cơ quan trình thẩm định*).

2.1.5. Phê duyệt điều chỉnh phân vùng môi trường (Điều 8):

Nghị quyết quy định một số nội dung chính như sau:

1. Nội dung, thành phần hồ sơ trình phê duyệt điều chỉnh phân vùng môi trường.

2. Trên cơ sở tờ trình của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND Thành phố xem xét, quyết định việc điều chỉnh phân vùng môi trường.

3. Thời gian phê duyệt điều chỉnh phân vùng môi trường không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

4. Cơ quan được giao tổ chức lập điều chỉnh phân vùng môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan công bố công khai nội dung điều chỉnh phân vùng môi trường được phê duyệt theo quy định pháp luật có liên quan, trừ những nội dung theo quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

5. Ủy ban nhân dân Thành phố giao Sở Nông nghiệp và Môi trường đóng dấu xác nhận hồ sơ điều chỉnh phân vùng môi trường đã được phê duyệt để lưu trữ theo quy định; gửi 01 bộ hồ sơ đầy đủ tới Ủy ban nhân dân Thành phố để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện.

2.2. Quy định cụ thể về trình tự, thủ tục điều chỉnh cục bộ quy hoạch (Chương III):

2.2.1. Trình tự, thủ tục thực hiện điều chỉnh cục bộ quy hoạch (Điều 9):

Căn cứ quy định tại quy định tại Điều 46, Điều 51 Luật Quy hoạch đô thị và Điều 15, Điều 39 Luật Xây dựng, Nghị quyết quy định trình tự thực hiện điều chỉnh cục bộ quy hoạch như sau:

1. Rà soát quy hoạch.

2. Tổ chức lập điều chỉnh cục bộ quy hoạch.

3. Thẩm định điều chỉnh cục bộ quy hoạch.

4. Phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch.

5. Cập nhật, công bố công khai nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch.

2.2.2. Rà soát quy hoạch (Điều 10):

Nghị quyết quy định một số nội dung chính như sau:

1. Định kỳ hoặc khi xuất hiện các điều kiện điều chỉnh quy hoạch đô thị, quy

hoạch xây dựng theo quy định pháp luật có liên quan, UBND cấp huyện chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan tổ chức rà soát, lập báo cáo rà soát quy hoạch; báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, ban hành quyết định giao cơ quan tổ chức lập điều chỉnh cục bộ quy hoạch.

2. Nội dung và hồ sơ báo cáo rà soát quy hoạch được quy định tại Nghị quyết thống nhất với quy định tại Điều 2 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP của Chính phủ. Đồng thời, quy định cụ thể, chi tiết hơn một số nội dung.

2.2.3. Tổ chức lập điều chỉnh cục bộ quy hoạch (Điều 11):

Căn cứ quy định tại quy định tại Điều 51 Luật Quy hoạch đô thị và Điều 39 Luật Xây dựng, điều này của Nghị quyết đã quy định chi tiết về việc tổ chức lập điều chỉnh cục bộ quy hoạch (*chủ thể thực hiện, thành phần hồ sơ, thời gian giải quyết...*), trong đó:

- Nội dung và thành phần hồ sơ điều chỉnh cục bộ quy hoạch thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

- Việc tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư có liên quan về nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch thực hiện theo quy định tại Mục 2 Chương II Luật Quy hoạch đô thị (đối với quy hoạch đô thị) và Điều 16, Điều 17 Luật Xây dựng (đối với quy hoạch xây dựng).

2.2.4. Thẩm định điều chỉnh cục bộ quy hoạch (Điều 12):

Căn cứ quy định tại quy định tại Điều 51 Luật Quy hoạch đô thị và Điều 39 Luật Xây dựng, điều này của Nghị quyết đã quy định chi tiết về việc tổ chức thẩm định điều chỉnh cục bộ quy hoạch (*chủ thể thực hiện, thành phần hồ sơ, thời gian giải quyết...*), trong đó:

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc là cơ quan thẩm định điều chỉnh cục bộ quy hoạch.

- Trong quá trình thẩm định, Sở Quy hoạch - Kiến trúc tổ chức họp Hội đồng thẩm định quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội theo Quy chế làm việc của Hội đồng; Tổng hợp, gửi báo cáo thẩm định tới cơ quan được giao tổ chức lập điều chỉnh cục bộ quy hoạch để giải trình, tiếp thu và hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh cục bộ quy hoạch.

- Việc quy định thời gian thẩm định không quá 20 ngày là đúng với tinh thần của Luật Thủ đô (rút ngắn thời gian giải quyết) và thống nhất với một số Quyết định đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về thí điểm phân cấp và trình tự, thủ tục phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng khu chức năng điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung đô thị, điều chỉnh cục bộ quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật tại một số địa phương

2.2.5. Phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch (Điều 13):

Căn cứ quy định tại quy định tại Điều 51 Luật Quy hoạch đô thị và Điều 39

Luật Xây dựng, điều này của Nghị quyết đã quy định chi tiết về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch (chủ thể thực hiện, thành phần hồ sơ, thời gian giải quyết...), trong đó: việc quy định thời gian phê duyệt không quá 15 ngày là thống nhất với một số Quyết định đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về thí điểm phân cấp và trình tự, thủ tục phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng khu chức năng điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung đô thị, điều chỉnh cục bộ quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật tại một số địa phương như nêu trên.

2.2.6. Cập nhật, công bố công khai, báo cáo kết quả thực hiện điều chỉnh cục bộ quy hoạch (Điều 14):

Căn cứ quy định tại quy định tại Điều 51 Luật Quy hoạch đô thị và Điều 39 Luật Xây dựng, điều này của Nghị quyết đã quy định chi tiết về việc cập nhật, công bố công khai, báo cáo kết quả thực hiện điều chỉnh cục bộ quy hoạch, trong đó:

- Cơ quan được giao tổ chức lập điều chỉnh cục bộ quy hoạch có trách nhiệm có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan công bố công khai điều chỉnh cục bộ quy hoạch được phê duyệt theo quy định tại Điều 53 của Luật Quy hoạch đô thị (đối với quy hoạch đô thị) và các điều 40 và 42 của Luật Xây dựng (đối với quy hoạch xây dựng).

- Hồ sơ điều chỉnh cục bộ quy hoạch đã được phê duyệt và hồ sơ quy hoạch đã cập nhật phải được Sở Quy hoạch - Kiến trúc đóng dấu xác nhận để lưu trữ, làm căn cứ, cơ sở quản lý, triển khai thực hiện; gửi 01 bộ hồ sơ đầy đủ tới Ủy ban nhân dân Thành phố để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện.

2.3. Về tổ chức thực hiện (Chương IV):

2.3.1. Quy định chuyển tiếp (Điều 15):

Sau thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực, hồ sơ điều chỉnh phân vùng môi trường và điều chỉnh cục bộ quy hoạch đã gửi cơ quan có thẩm quyền thẩm định theo quy định của Luật Quy hoạch, Luật Quy hoạch đô thị, Luật Xây dựng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch thì tiếp tục thực hiện thẩm định, phê duyệt theo quy định của Luật Quy hoạch, Luật Quy hoạch đô thị, Luật Xây dựng, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch và các nghị định và thông tư quy định, hướng dẫn có liên quan.

2.3.2. Tổ chức thực hiện (Điều 16):

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết này; chỉ đạo các Sở, ngành liên quan căn cứ theo chức năng nhiệm vụ được giao thường xuyên rà soát quy trình, thủ tục, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan, kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai.

2. Trong quá trình thực hiện Nghị quyết, trường hợp phát sinh nội dung cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, Ủy ban nhân dân Thành phố kịp thời tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

3. Trường hợp văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng các văn bản khác của cơ quan có thẩm quyền thì áp dụng theo

các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

4. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân và các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội phối hợp tham gia giám sát thực hiện Nghị quyết này.

2.3.3. Điều khoản thi hành (Điều 17):

Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025./.